Chi tiết mã HS 9607.20.00

Mã HS	9607.20.00
Mô tả hàng hóa	Khóa kéo và các bộ phận của chúng / - Bộ phận
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 19:04:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/96072000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18897
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18897
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18897
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục F)	7,5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	8,2	8,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8.6	8,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AJCEP	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18160
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18089
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18089
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18089
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18089
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18089
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18089
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	30	AJ!E18145
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	30	AJ!F18145
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	30	AJ!G18145

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	30	AJ!H18145
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	30	AJ!I18145
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	30	AJ!J18145
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	30	VJ!E18146
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	30	VJ!F18146
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	30	VJ!G18146
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	30	VJ!H18146
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	30	VJ!I18146
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	30	VJ!J18146
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18151
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18108
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F18103
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G18103
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H18103
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I18103
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J18103
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K18103
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18151
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18151
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18151
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18151
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18151
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18151
VCFTA	2022	2022	4	VC!D18215
VCFTA	2023	2023	2	VC!E18215
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18215

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18215
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18215
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18215
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18189
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18189
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18189
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18189
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18189
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18189
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D18182
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E18182
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F18182
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G18182
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H18182
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I18182
EVFTA	2022	2022	3,7	EV-NK!D18212
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18212
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18212
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18212
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18212
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18212
UKVFTA	2022	2022	3,7	UKV!D18211
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18211
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18211
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18211
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18211

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18211
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18305
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18305
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18305
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18305
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18305
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18305
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18305
RCEP A	2022	2022	13,5	RCEPT-A!D18176
RCEP A	2023	2023	12	RCEPT-A!E18176
RCEP A	2024	2024	10,5	RCEPT-A!F18176
RCEP A	2025	2025	9	RCEPT-A!G18176
RCEP A	2026	2026	7,5	RCEPT-A!H18176
RCEP A	2027	2027	6	RCEPT-A!I18176
RCEP B	2022	2022	13,5	B!D18176
RCEP B	2023	2023	12	B!E18176
RCEP B	2024	2024	10,5	B!F18176
RCEP B	2025	2025	9	B!G18176
RCEP B	2026	2026	7,5	B!H18176
RCEP B	2027	2027	6	B!I18176
RCEP C	2022	2022	13,5	C!D18174
RCEP C	2023	2023	12	C!E18174
RCEP C	2024	2024	10,5	C!F18174
RCEP C	2025	2025	9	C!G18174
RCEP C	2026	2026	7,5	C!H18174
RCEP C	2027	2027	6	C!I18174

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	13,6	D!D18173
RCEP D	2023	2023	12,3	D!E18173
RCEP D	2024	2024	10,9	D!F18173
RCEP D	2025	2025	9,5	D!G18173
RCEP D	2026	2026	8,2	D!H18173
RCEP D	2027	2027	6,8	D!I18173
RCEP E	2022	2022	13,5	E!D18178
RCEP E	2023	2023	12	E!E18178
RCEP E	2024	2024	10,5	E!F18178
RCEP E	2025	2025	9	E!G18178
RCEP E	2026	2026	7,5	E!H18178
RCEP E	2027	2027	6	E!I18178
RCEP F	2022	2022	13,5	F!D18176
RCEP F	2023	2023	12	F!E18176
RCEP F	2024	2024	10,5	F!F18176
RCEP F	2025	2025	9	F!G18176
RCEP F	2026	2026	7,5	F!H18176
RCEP F	2027	2027	6	F!I18176
VIFTA	2024	2024	12.9	VI!F17039
VIFTA	2025	2025	10.7	VI!G17039
VIFTA	2026	2026	8.6	VI!H17039
VIFTA	2027	2027	6.4	VI!I17039

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AJCEP 30%, VJEPA 30%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (15%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 15%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9607.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 9607.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18897), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.